Chi tiết mã HS 6306.19.10

Mã HS	6306.19.10
Mô tả hàng hóa	Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng; tăng (lều) (kể cả mái che tạm thời và các vật dụng tương tự); buồm cho tàu thuyền, ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại / - Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Từ sợi dệt thực vật thuộc nhóm 53.05
Đơn vị	kg/m/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 13:34:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/63061910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9891
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9891
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9891
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6.9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9426
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9377
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9377
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9377
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9377
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9377
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9377
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9429
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9429
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9429
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9429

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9429
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9429
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9430
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9430
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9430
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9430
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9430
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9430
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9431
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9383
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9389
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9389
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9389
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9389
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9389
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9389
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9414
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9414
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9414
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9414
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9414
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9414
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9460
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9460
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9460
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9460

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9460
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9460
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9439
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9439
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9439
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9439
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9439
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9439
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9452
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9452
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9452
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9452
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9452
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9452
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9462
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9462
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9462
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9462
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9462
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9462
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9461
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9461
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9461
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9461
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9461
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9408
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9408
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9408
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9408
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9408
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9408
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9408
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9446
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9446
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9446
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9446
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9446
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9446
RCEP B	2022	2022	0	B!D9446
RCEP B	2023	2023	0	B!E9446
RCEP B	2024	2024	0	B!F9446
RCEP B	2025	2025	0	B!G9446
RCEP B	2026	2026	0	B!H9446
RCEP B	2027	2027	0	B!I9446
RCEP C	2022	2022	0	C!D9446
RCEP C	2023	2023	0	C!E9446
RCEP C	2024	2024	0	C!F9446
RCEP C	2025	2025	0	C!G9446
RCEP C	2026	2026	0	C!H9446
RCEP C	2027	2027	0	C!I9446
RCEP D	2022	2022	0	D!D9445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9445
RCEP D	2024	2024	0	D!F9445
RCEP D	2025	2025	0	D!G9445
RCEP D	2026	2026	0	D!H9445
RCEP D	2027	2027	0	D!I9445
RCEP E	2022	2022	0	E!D9449
RCEP E	2023	2023	0	E!E9449
RCEP E	2024	2024	0	E!F9449
RCEP E	2025	2025	0	E!G9449
RCEP E	2026	2026	0	E!H9449
RCEP E	2027	2027	0	E!I9449
RCEP F	2022	2022	0	F!D9446
RCEP F	2023	2023	0	F!E9446
RCEP F	2024	2024	0	F!F9446
RCEP F	2025	2025	0	F!G9446
RCEP F	2026	2026	0	F!H9446
RCEP F	2027	2027	0	F!I9446
VIFTA	2024	2024	10,3	VI!F8743
VIFTA	2025	2025	8.6	VI!G8743
VIFTA	2026	2026	6.9	VI!H8743
VIFTA	2027	2027	5.1	VI!I8743

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6306.19 có 3 dòng thuế; dòng 6306.19.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ sợi dệt thực vật thuộc nhóm 53.05.	6306.19.20 Từ bông; 6306.19.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6306.19.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 6306.19.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9891), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.